

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày: 16 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Khánh
Ông Trần Văn Quang
Bà Nguyễn Thị Anh Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trâm – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Bị cáo: Phạm Thị Thu H, sinh năm: 1975; Giới tính: Nữ.

ĐKHKT và nơi cư trú: xóm 6B, xã H1, huyện H2, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: nguyên kế toán trưởng Quỹ tín dụng nhân dân Hải Thanh; Con ông: Phạm Hồng Đ (đã chết); Con bà: Lê Thị H, sinh năm 1946; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con cả; chồng: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ từ ngày 27/12/2020 đến ngày 30/12/2020 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Luật sư Vũ Thị Sao Mai - Đoàn luật sư tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Bị hại: Quỹ tín dụng nhân dân Hải Th

Địa chỉ: Xóm 3, xã H1, huyện H2, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức Kh – Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng nhân dân Hải Thanh. Có mặt.

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị H, chị Phạm Thị M, anh Trần Văn B1, chị Lê Thị B2, anh Nguyễn Vũ T, chị Nguyễn Thị Th, chị Đỗ Thị D1, anh Vũ Ng H, chị Mai Thị Y1, anh Trần Xuân Ng, chị Phạm Thị X, anh Nguyễn Văn B3, chị Đỗ Thị D2, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Duy Nh, chị Trần Thị Kh, chị Nguyễn Thị Ng, anh Vũ Xuân X, chị Phạm Thị Y2, chị Bùi Thị Ch, chị Đặng Thị Kim Th1, chị Nguyễn Thị Th2, chị Phạm Thị Th3, chị Vũ Thị S, chị Đỗ Thị D3, anh Vũ Hữu L, anh Đỗ Ng Ph, anh Đỗ Thanh Th4, chị Vũ Thị Q, chị Phạm Thị T, anh Vũ Hữu L, chị Phạm Thị T2, chị Trần Thị Ng1, chị Bùi Đức X, chị Vũ Thị Q, anh Vũ Văn Ph, chị Nguyễn Thị H1, anh Lại Văn T1, chị Vũ Thị H2, chị Trần Thị Ph, anh Lê Văn T3, anh Nguyễn Xuân Tr, chị Chu Thị D, anh Nguyễn Văn Th5, chị Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị Th6, anh Vũ Văn Ph, anh Lê Thanh T3, anh Vũ Xuân Đ, anh Đào Xuân Đ1.

Tất cả 51 người làm chứng đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Thị Thu H được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Quỹ tín dụng nhân dân Hải Th(sau đây viết tắt là Quỹ tín dụng) từ 05/01/2006. Trong thời gian từ tháng 6/2012 đến tháng 6/2016, H được giao nhiệm vụ cùng với chị Nguyễn Thị Ng (sinh năm 1964 ở xã Hải Q, huyện Hải H) là thủ quỹ của Quỹ tín dụng giao dịch trực tiếp với khách hàng tại quầy giao dịch. Lợi dụng những khi chị Ng vắng mặt nhờ H thu tiền hộ, H đã nhiều lần thực hiện việc nhận tiền gửi của khách hàng, mở sổ tiết kiệm và thẻ lưu sổ tiết kiệm và giao sổ tiết kiệm cho khách hàng như quy định nhưng sau đó không nhập quỹ hoặc chỉ nhập quỹ một phần còn lại chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân. Đến cuối ngày giao dịch, H chỉnh sửa lại số liệu trên phần mềm bỏ ra ngoài giao dịch không nhập quỹ, sau đó duyệt giao dịch để khóa sổ và bàn giao chứng từ giao dịch có nhập quỹ cho chị Ng. H hủy đi các Giấy gửi tiền của những khách hàng đến gửi mà H không nhập quỹ hoặc nhập quỹ một phần. Với phần chữ ký thủ quỹ trong thẻ lưu sổ tiết kiệm thì có thể H ký thay, có thể H đưa cho thủ quỹ ký. Khi khách hàng đến rút tiền đã gửi, do thẻ lưu sổ tiết kiệm và sổ tiết kiệm trùng khớp nên H lập chứng từ rút tiền từ quỹ để thanh toán tiền gốc và lãi cho khách hàng như bình thường. Nhưng việc hạch toán trả tiền gốc cho khách hàng dẫn đến việc số dư

trên sao kê tài khoản 4232 (tài khoản tiền gửi tiết kiệm) bị giảm đi do trước đó không ghi nhận hạch toán các khoản tiền gửi nộp vào nên đến cuối tháng khi phải làm báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước thì H trích xuất số liệu từ phần mềm quản lý ở quỹ ra bằng Excel, lập báo cáo đúng số dư trên tài khoản 4232 và ghi phần chênh lệch sang tài khoản 415 (tài khoản vay Ngân hàng Hợp tác xã) để che giấu phần tiền đã chiếm đoạt. Sau khi Lãnh đạo ký báo cáo, H lại chỉnh sửa số dư trên tài khoản 415 về đúng số tiền đang vay Ngân hàng Hợp tác xã và giảm số dư tài khoản 4232 về đúng số liệu thực tế rồi in ra thay vào các trang báo cáo mà lãnh đạo đã ký gửi Ngân hàng Nhà nước. Khi ký các chứng từ, báo cáo, Lãnh đạo, kiểm soát viên, Thủ quỹ Quỹ tín dụng Hải Th không kiểm tra, đối chiếu sổ sách nên không phát hiện hành vi chiếm đoạt của H. Đến tháng 3/2016, Lãnh đạo Quỹ tín dụng Hải Th bắt đầu phát hiện và nghi ngờ H do khi một số khách hàng đến rút tiền thì H sử dụng phiếu chi gốc, lã theo mẫu in sẵn rồi viết tay số tiền mà không phải Giấy lĩnh tiền và phiếu chi in từ phần mềm quản lý. Lãnh đạo yêu cầu H giải trình thì H giải thích là do lỗi phần mềm. Lãnh đạo đã yêu cầu H kiểm tra lại sổ sách và bàn giao lại các thẻ lưu sổ tiết kiệm, chứng từ kế toán cho chị Nguyễn Thị Th là kế toán mới của Quỹ tín dụng theo dõi, cập nhật vào phần mềm quản lý. Khi bàn giao, H hạch toán giảm số tiền 4.000.000.000 đồng của tài khoản 4232 và tăng số tiền 4.000.000.000 đồng so với số thực tế của tài khoản 415 đồng thời in giả thẻ lưu sổ tiết kiệm, cạo sửa sổ tiết kiệm gốc, ghi giảm số tiền 920.000.000 đồng trên sao kê TK 4232 đối với 05 khoản tiền gửi tiết kiệm khác được nhập quỹ đúng quy định để cho khớp giữa báo cáo và chứng từ đang lưu tại Quỹ tín dụng. Sau khi rà soát chứng từ, sổ sách, Quỹ tín dụng phát hiện H đã chiếm đoạt tổng số tiền 4.910.000.000 đồng. Ngoài ra, H tạm ứng nhưng sau đó chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng không có chứng từ hoàn ứng. Để chiếm đoạt số tiền này, H đã sửa sổ quỹ ghi giảm số tiền gửi của khách hàng đã nhập vào quỹ trước đó, sửa chữa chứng từ chuyển khoản trả cho Ngân hàng Hợp tác xã. Tổng số tiền H chiếm đoạt là : 5.510.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

* Chiếm đoạt 4.910.000.000 đồng từ việc thực hiện giao dịch gửi tiền tiết kiệm của Quỹ tín dụng:

Phạm Thị Thu H để ngoài sổ sách, không hạch toán nhập quỹ toàn bộ các khoản tiền gửi của 41 sổ tiết kiệm do 35 khách hàng gửi tiền tại Quỹ tín dụng để chiếm đoạt tổng cộng 2.961.826.100 đồng tiền gốc các khoản tiền gửi này (đã bao gồm cả một số khoản gốc nhập lãi)

Phạm Thị Thu H để ngoài sổ sách, hạch toán nhập quỹ một phần các khoản tiền gửi của 05 sổ tiết kiệm do 05 khách hàng gửi tiền tại Quỹ tín dụng để chiếm đoạt tổng cộng 269.300.000 đồng tiền gốc các khoản tiền gửi này (đã bao gồm cả một số khoản gốc nhập lãi)

Phạm Thị Thu H lập giả 03 chứng từ rút gốc (Giấy lĩnh tiền) của 03 khoản tiền gửi do 03 khách hàng gửi tiền có nhập quỹ với tổng số tiền là 726.000.000 đồng.

Phạm Thị Thu H đã in giả thẻ lưu sổ tiết kiệm, cạo sửa sổ gốc, ghi giảm trên sao kê tài khoản 4232 đối với 05 khoản tiền gửi tiết kiệm khác được nhập quỹ đúng quy định, tổng số tiền ghi giảm 920.000.000 đồng (trong đó có thẻ lưu sổ tiết kiệm mang tên Nguyễn Văn Tánh là một trong số 41 sổ tiết kiệm H để ngoài sổ sách nêu trên).

Số tiền 42.873.900 đồng là số làm tròn khi H điều chỉnh ghi tăng số dư tài khoản 4232 thêm 4.000.000.000 đồng để che giấu việc chiếm đoạt tiền của Quỹ trước đó.

* Chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng từ việc tạm ứng tiền của Quỹ:

Khoản tạm ứng ngày 13/7/2015: H tạm ứng 511.000.000 đồng để trả tiền khoản vay của Quỹ tín dụng Hải Th tại Ngân hàng Hợp tác xã - Chi nhánh Nam Định. Thực tế chứng từ hoàn ứng đã thanh toán cho Ngân hàng Hợp tác xã là 411.000.000 đồng nhưng H không nộp lại khoản tạm ứng thừa 100.000.000 đồng cho quỹ, mà đã sửa chữa sổ quỹ thành hoàn ứng đủ 511.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng này.

Khoản tạm ứng ngày 22/01/2016: H tạm ứng 200.000.000 đồng nhưng không làm thủ tục hoàn ứng. Để cân đối sổ sách, H đã sửa sổ quỹ từ việc ghi nhận Phạm Thị Thu H tạm ứng 200.000.000 đồng thành nội dung thanh toán một phần sổ tiết kiệm số 467 (của khách hàng Nguyễn Văn Th1) số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 29/1/2016, khi khách hàng Th1 làm thủ tục rút sổ tiền gửi số 467 (gửi 220.000.000 đồng) thì H in 02 phiếu chi trong đó có 01 phiếu chi 200.000.000 đồng đề ngày 22/01/2016 để hoàn chứng từ. Đồng thời, ngày hôm đó khách hàng Th1 làm thủ tục gửi tiết kiệm 300.000.000 đồng thì H chỉ hạch toán nhập quỹ 100.000.000 đồng để cân đối với sổ quỹ nhằm che giấu việc đã chiếm đoạt 200.000.000 đồng tiền tạm ứng ngày 22/01/2016.

Khoản tạm ứng ngày 18/02/2016: H tạm ứng 1.500.000.000 đồng để trả tiền vay Ngân hàng Hợp tác xã nhưng chỉ thanh toán hết 1.300.000.000 đồng. Để không hoàn ứng 200.000.000 đồng tiền tạm ứng thừa, H đã sửa chữa sổ quỹ thành tạm ứng 1.300.000.000 đồng và ghi giảm số tiền gửi của khách hàng Lê Thị Hồng (gửi tiền cùng ngày 18/02/2016) từ gửi 220.000.000 đồng thành gửi 20.000.000 đồng để chiếm đoạt 200.000.000 đồng này của Quỹ.

Khoản tạm ứng ngày 20/5/2016: H tạm ứng 1.500.000.000 đồng để trả tiền vay Ngân hàng Hợp tác xã. Thực tế, số tiền lãi đã thanh toán chỉ là 40.373.400 đồng nhưng H đã lập giả chứng từ chuyển khoản (chứng từ hoàn ứng) ghi thành trả lãi 140.373.400 đồng để chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng chênh lệch này.

Tại CQĐT, Phạm Thị Thu H thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 5.510.000.000 đồng như nêu trên và khai nhận: Đối với việc lập giả 03 chứng từ rút tiền gốc của 03 khoản tiền gửi do 03 khách hàng gửi tiền có nhập quỹ với tổng số tiền là 726.000.000 đồng, là do: cuối năm 2014, phần mềm quản lý được nâng cấp nên khi khách hàng đến rút tiền đối với những sổ H đã chiếm đoạt không nhập quỹ thì không in được phiếu chi lãi từ phần mềm nên H đã lập giả chứng từ để rút tổng số tiền 726.000.000 đồng từ 03 sổ tiết kiệm có kỳ hạn của khách hàng đã nhập quỹ đúng (trong đó có 02 sổ khách hàng chưa đến rút và 01 sổ khách hàng đã rút) để chi cho các khách hàng gửi trước đó nhưng H không nhập quỹ. Đối với việc in giả thẻ lưu sổ tiết kiệm, cạo sửa sổ gốc, ghi giảm trên sao kê TK 4232 đối với 05 khoản tiền gửi tiết kiệm khác được nhập quỹ đúng quy định, tổng số tiền ghi giảm 920.000.000 đồng là do khi thống kê số liệu để bàn giao, H phát hiện tổng số tiền trên thẻ lưu tăng so với số dư trên sao kê tài khoản tiền gửi 4232 do trước đó một số khoản tiền gửi H không nhập quỹ để chiếm đoạt nhưng không vào sao kê tài khoản 4232 và H không nhớ các khoản tiền này nên đã chỉnh sửa hệ thống phần mềm làm giảm một phần số tiền gửi của 05 sổ tiết kiệm đã nhập quỹ, cạo sửa thẻ lưu làm giảm tổng số tiền trên thẻ lưu 920.000.000 đồng để khớp chứng từ với số dư TK tiền gửi 4232 đã bàn giao cho Th. Đối với số tiền 42.873.900 đồng: do lấy tiền của Quỹ tín dụng trong thời gian dài nên H không nhớ hết số tiền chiếm đoạt, khi bàn giao thấy số liệu tiền mặt tại Quỹ tín dụng so với sao kê tài khoản 4232 bị hụt 4.000.000.0000 đồng nên đã hạch toán che giấu việc hụt quỹ tiền mặt này. H đã sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt để xây nhà, mua ô tô, chi tiêu cá nhân. Sau khi bị Quỹ tín dụng Hải Thphát hiện, từ ngày 08/9/2016 đến ngày 01/6/2018, H đã 15 lần nộp hoàn trả cho Quỹ tín dụng với tổng số tiền là 5.846.382.000 đồng. Ngày 19/7/2018, theo yêu cầu của Cơ quan Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, H đã nộp thêm số tiền 30.303.000 đồng. Tổng cộng H đã hoàn trả số tiền 5.876.684.614 đồng cho Quỹ tín dụng.

Tại Kết luận giám định số 524/KLGD-PC09 ngày 30/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định xác định: chữ ký đứng tên Phạm Thị Thu H dưới mục “Kế toán” hoặc “Kế toán trưởng”, “Người nhận”, “Người nộp”, “Người lập” trên các chứng từ liên quan đến số tiền 5.510.000.000 đồng đều do H ký.

Tại Kết luận giám định số 610/KLGD-NAĐ ngày 05/6/2020 của Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh Nam Định xác định: Tổng số tiền lãi Quỹ tín dụng đã chi trả cho khách hàng trên số tiền bị H chiếm đoạt là 313.111.205 đồng. Tổng số tiền lãi phát sinh từ thời điểm hạch toán đến khi H hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 98.891.753 đồng. Tổng số tiền H tạm ứng nhưng không

có chứng từ hoàn ứng và đã sửa chữa sổ sách, làm giả chứng từ chiếm đoạt là 600.000.000 đồng.

Tại CQĐT, các nhân viên, Lãnh đạo của Quỹ tín dụng Hải Thlà những người có trách nhiệm quản lý, thực hiện nghiệp vụ tại Quỹ tín dụng, ký các Báo cáo, sổ sách, chứng từ kế toán liên quan đến số tiền 5.510.000.000 đồng đều khai nhận: do tin tưởng H nên khi H đưa ký các Báo cáo, sổ sách, chứng từ kế toán đã không kiểm tra các tài liệu nhưng vẫn ký, không thường xuyên có mặt tại quỹ tín dụng để thực hiện công việc được giao tại đây, khi ký các báo cáo, chứng từ không biết việc H chiếm đoạt tiền. Khi phát hiện H chiếm đoạt, để giữ vững hoạt động tại Quỹ tín dụng đã thống nhất không báo cáo cơ quan có thẩm quyền mà xử lý nội bộ để đôn đốc, tác động H nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt và đến thời điểm thanh tra phát hiện đã thu hồi được toàn bộ số tiền này.

Tại CQĐT, anh Nguyễn Văn Đ là chồng của H (đã ly hôn) khai nhận: Năm 2012, anh và H xây nhà khoảng 1,5 tỉ đồng từ tiền có được do tiết kiệm và vay mượn. Việc xây quán cà phê và mua xe là từ tiền của cá nhân anh. Anh không biết việc H chiếm đoạt tiền của quỹ tín dụng. Năm 2016, thì anh đã phải gán nợ xe ô tô và bán nhà để hoàn trả số tiền H đã chiếm đoạt cho Quỹ tín dụng.

Tại CQĐT, những khách hàng liên quan đến số tiền gửi tiết kiệm mà H đã chiếm đoạt đều xác nhận H là người thu tiền gửi tiết kiệm của họ tại Quỹ tín dụng nhân dân Hải Thanh.

* Cáo trạng số: 37/CT-VKS ngày 29-4-2021 của VKSND tỉnh Nam Định truy tố: Phạm Thị Thu H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

*** *Tại phiên toà:***

- Bị cáo Phạm Thị Thu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và xác nhận bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Phạm Thị Thu H từ 13 năm đến 14 năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt và

bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Luật sư Vũ Thị Sao Mai trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với tội danh như kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Mong Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi 2 con nhỏ, bố bị cáo là người có công và đại diện bị hại cũng có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để xử cho bị cáo một mức án thấp nhất để bị cáo sớm có điều kiện hoà nhập với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; Lời khai của bị hại; Lời khai người làm chứng; Kết luận thanh tra; Bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Phạm Thị Thu H được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Quỹ tín dụng nhân dân Hải Thtừ 05/01/2006. H được giao nhiệm vụ cùng với chị Nguyễn Thị Ng là thủ quỹ của Quỹ tín dụng giao dịch trực tiếp với khách hàng tại quầy giao dịch. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2012 đến tháng 6/2016, do cần tiền để xây nhà, trả nợ và tiêu xài cá nhân; lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của lãnh đạo Quỹ tín dụng; lợi dụng những khi chị Ng vắng mặt nhờ H thu tiền hộ, H đã nhiều lần thực hiện hành vi nhận tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và tiền tạm ứng thực hiện nghiệp vụ của Quỹ nhưng không hạch toán nhập quỹ và hoàn ứng theo quy định mà sử dụng các thủ đoạn gian dối, trái quy định như: tự ý huỷ đi các chứng từ kế toán; sửa chữa sổ sách, dữ liệu kế toán; lập giả chứng từ kế toán; ký thay, ký giả chữ ký thủ quỹ và khách hàng trên một số chứng từ kế toán; cạo sửa sao kê; sửa chữa số liệu báo cáo rồi in ra thay vào các trang báo cáo mà lãnh đạo đã ký gửi Ngân hàng Nhà nước; ... để chiếm đoạt 5.510.000.000 đồng (5,51 tỷ) của Quỹ tín dụng nhân dân Hải Thanh.

Như vậy, Phạm Thị Thu H được giao quản lý tài chính của Quỹ tín dụng nhưng đã có hành vi gian dối, trái quy định đó là báo cáo sai số liệu, sửa chữa sổ sách, chứng từ để chiếm đoạt tổng số tiền 5.510.000.000 đồng (5,51 tỷ) của Quỹ tín dụng nhân dân Hải Thanh. Ngoài ra, H còn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền 412.002.958 đồng là thiệt hại mà Quỹ tín dụng nhân dân Hải Thanh phải trả lãi cho khách hàng và lãi phát sinh từ thời điểm hạch toán số tiền chiếm đoạt đến thời điểm H hoàn trả do hành vi chiếm đoạt của H gây ra.

Hành vi nêu trên của Phạm Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tại thời điểm Phạm Thị Thu H thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án thì Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. So sánh về điều khoản tương ứng đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của Phạm Thị Thu H được quy định tương ứng tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt là “... *phạt tù từ 12 năm đến 20 năm*”; mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 là “... *phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân*”. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, hành vi nêu trên của Phạm Thị Thu H phải chịu trách nhiệm hình sự theo qui định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tự nhận thức và biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi cá nhân mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt và bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo có bố là người có công với cách mạng. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền đã chiếm đoạt cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt ở

trong khung hình phạt đã truy tố, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Như vậy mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời cũng để cải tạo giáo dục bị cáo và làm gương cho kẻ khác.

[4] về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Cấm bị cáo Phạm Thị Thu H đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc liên quan đến hoạt động tín dụng trong thời hạn 02 năm kể từ khi thi hành xong hình phạt tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Theo quy định của pháp luật, buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền 5.510.000.000 đồng đã chiếm đoạt và bồi thường số tiền 412.002.958 đồng là khoản thiệt hại của Quỹ tín dụng phải trả lãi cho khách hàng và lãi phát sinh từ thời điểm hạch toán số tiền chiếm đoạt đến thời điểm bị cáo hoàn trả do hành vi chiếm đoạt của bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, theo tài liệu điều tra và tranh tụng tại phiên toà, đến nay bị cáo đã nộp hoàn trả cho Quỹ tín dụng số tiền là 5.876.684.614 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân Hải Th– ông Vũ Đức Khoái, Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng nhân dân Hải Th có quan điểm: Bị cáo H đã nhiều lần khắc phục hậu quả và đã hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Hải Th tổng số tiền là 5.876.684.614 đồng (Năm tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm mười bốn đồng). Như vậy, Phạm Thị Thu H còn thiếu Quỹ tín dụng số tiền là 45.318.344 đồng. Đến nay, Quỹ tín dụng nhân dân Hải Th không yêu cầu bị cáo H phải trả nốt số tiền còn thiếu và cũng không có đề nghị gì thêm nữa.

Do vậy, về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với hành vi ký các báo cáo, sổ sách, chứng từ kế toán để cho H chiếm đoạt tiền của Quỹ tín dụng và khi phát hiện H chiếm đoạt nhưng không báo cáo cơ quan có thẩm quyền của các nhân viên, Lãnh đạo quỹ tín dụng. Xét thấy, sau khi phát hiện H chiếm đoạt các cá nhân này đã đôn đốc, thu hồi được toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Tại thời điểm Thanh tra phát hiện vụ việc thì hậu quả đã được các cá nhân tự tác động H khắc phục trước đó nên không xử lý hình sự đối với các cá nhân này.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ là chồng của H (đã ly hôn): không biết H chiếm đoạt tiền nên không xử lý cũng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Phạm Thị Thu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27-12-2020.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Cấm bị cáo Phạm Thị Thu H đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc liên quan đến hoạt động tín dụng trong thời hạn 02 năm kể từ khi thi hành xong hình phạt tù.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị Thu H phải nộp 200.000đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA; VKSND tỉnh Nam Định.
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại giam Đại An.
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng.

